

Bản án số: **84/2023/HNGĐ- ST**

Ngày 27/7/2023

“V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 270/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 14/6/2004, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2019 đến nay, nguyên nhân do thời gian đó chị đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp, chị thường xuyên gọi điện về cho anh Đ để hỏi thăm và trao đổi với anh Đ về việc nuôi dạy con cái. Chị nhắc anh Đ ở nhà quan

tâm đến các con vì các cháu đến tuổi lớn, phải quản lý và giáo dục các cháu nhưng anh Đ thì cho rằng các cháu đã lớn nên để các cháu tự do. Từ đó anh chị phát sinh mâu thuẫn về việc nuôi dạy con cái và dẫn đến phát sinh những chuyện khác trong cuộc sống. Anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung từ những chuyện nhỏ.

Cuối năm 2022 chị về nước, khi chị về nhà thì anh Đ bỏ vào nhà bố mẹ đẻ anh Đ ở và không chung sống cùng chị nữa. Chị có đến nhà bố mẹ đẻ anh Đ để nói chuyện với anh Đ để anh Đ về đoàn tụ nhưng anh Đ không đồng ý quay lại chung sống cùng chị nữa. Chị gọi điện và nhắn tin nhiều lần cho anh Đ nhưng anh Đ nhất quyết không về nhà. Chị nói chuyện với bố mẹ đẻ anh Đ và nhờ gia đình khuyên bảo anh Đ nhưng không có kết quả. Anh chị chính thức ly thân từ tháng 8/2019 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 17/01/2008 và Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu không thỏa thuận được thì chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra, chị Nguyễn Thị T không còn yêu cầu nào khác.

* *Tại biên bản lấy lời khai, anh Trần Văn Đ trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và cô T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa P ngày 14/6/2004, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận và hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2018 đến nay, nguyên nhân do chị Thúy đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp, thi thoảng có gọi điện về cho anh nhưng qua điện thoại thì anh chị hay cãi nhau nhưng chỉ là những chuyện nhỏ. Chị T làm ăn bên đó nhưng cũng không gửi tiền về cho anh nuôi con. Cuối năm 2022, chị T về nước và anh chị chung sống cùng nhà với nhau được một thời gian ngắn. Tuy nhiên, anh chị cũng không còn tình cảm nên cũng không quan tâm đến nhau. Cô T về được ít ngày anh về nhà bố mẹ tôi ở, anh chị không nói chuyện với nhau và cũng không cãi nhau, không mâu thuẫn gì. Anh chị không ngồi được với nhau để nói chuyện, dàn xếp chuyện vợ chồng. Gia đình hai bên cũng có tác động để hàn gắn cho vợ chồng anh nhưng không có kết quả. Anh chị ly thân đã nhiều năm nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh không đồng ý, mặc dù anh chị đã hết tình cảm nhưng anh không muốn ly hôn để cho con cái học hành, anh chỉ đồng ý vợ chồng ly thân nhau.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 17/01/2008 và Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị T. Nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con, các con muốn ở với ai thì Tòa án giải quyết cho các con ở với người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu không thỏa thuận được thì anh chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra, anh Trần Văn Đ không còn ý kiến nào khác.

Ngày 05/7/2023, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ xin vắng mặt nên các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 17/01/2008 và Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/10/2009.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Trần Văn Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Đ đều có địa chỉ tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Trần Văn Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[4] *Về nội dung*:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Lục Nam vào ngày 14/6/2004 trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc và có hai con chung. Mẫu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân theo chị T thời gian đó tôi đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp, chị thường xuyên gọi điện về cho anh Đ để hỏi thăm và trao đổi với anh Đ về việc nuôi dạy con cái. Chị nhắc anh Đ ở nhà quan tâm đến các con vì các cháu đến tuổi lớn, phải quản lý và giáo dục các cháu nhưng anh Đ thì cho rằng các cháu đã lớn nên để các cháu tự do. Từ đó anh chị phát sinh mâu thuẫn về việc nuôi dạy con cái và dẫn đến phát sinh những chuyện khác trong cuộc sống. Theo anh Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp, thì thoảng có gọi điện về cho anh nhưng qua điện thoại thì anh chị hay cãi nhau. Chị T làm ăn bên đó nhưng cũng không gửi tiền về cho anh nuôi con.

Bà Phùng Thị M là mẹ đẻ của anh Trần Văn Đ cho biết: Chị T và anh Đ kết hôn năm 2004, sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gì thì bà không được biết. Khi chị T về nước thì anh Đ có về chung sống cùng bố mẹ, bà có bảo anh Đ về chung sống cùng chị T và các con nhưng anh Đ không về. Nay chị T xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai bên.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị T và anh Đ có hai con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 17/01/2008 và Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với chị T, con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng

ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con chung, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai con chung, hai con chung có nguyện vọng được ở với chị T.

Xét thấy: Đề nghị của chị T và anh Đ là phù hợp đạo đức, phù hợp pháp luật, đúng nguyện vọng của hai con chung. Do vậy, cần giao hai con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 17/01/2008 và Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/10/2009 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi vợ chồng ly hôn anh Đ được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh Đ không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi hai con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 17/01/2008 và Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 17/10/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở **anh** thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng **chị** đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0014657 ngày 28/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã N, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh